TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2023/QĐST-DS	*TP. Cao Lãnh, ngày 09 háng 01 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 429/2022/TLST–DS ngày 05 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP K L.

Người đại diện theo pháp luật: Trần Ngọc M, chức vụ Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số BM, BH, BB, PHT, VTV, thành phố RG, tỉnh K G.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Ngô Văn Q, chức vụ Giám đốc – Ngân hàng TMCP K L – Chi nhánh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Văn Q là ông Lê Hữu H, sinh năm 1960.

Cùng địa chỉ: Số BM, LTK, Phường M, thành phố CL, tỉnh ĐT.

- *Bị đơn*:

1. Ông Trần Quốc T, sinh năm 1957;

2. Bà Trần Thị Bé T, sinh năm 1967.

Cùng địa chỉ: Số MT, ĐBP, khóm MT, phường MP, thành phố CL, tỉnh ĐT.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Nguyên đơn có ông Lê Hữu H đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP K L yêu cầu ông Trần Quốc T và bà Trần Thị Bé T phải liên đới thanh toán cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 01/7/2022 số tiền gốc và lãi là 123.502.412 đồng, cụ thể theo các hợp đồng tín dụng như sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HO00129/HĐTD ngày 05/11/2019, số tiền phải trả là: 45.153.461 đồng. Trong đó gốc là 27.555.556 đồng; lãi là 17.597.905 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HO00139+140/HĐTD ngày 27/11/2019, số tiền phải trả là: 44.723.397 đồng. Trong đó gốc là 27.555.556 đồng; Lãi 17.167.841 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HO00163/HĐTD ngày 04/02/2020, số tiền phải trả là: 20.339.061 đồng. Trong đó gốc là 12.888.889 đồng; Lãi 7.450.172 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số LT04614/HĐTD ngày 17/03/2020, số tiền phải trả là: 13.286.493 đồng. Trong đó gốc là 10.000.000 đồng; Lãi 3.286.493 đồng.

Ngân hàng TMCP K L yêu cầu ông T và bà T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2022 cho đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng ông T và bà T ký với Ngân hàng TMCP K L gồm:

1. Theo Hợp đồng tín dụng số HO00129/HĐTD ngày 05/11/2019;

2. Theo Hợp đồng tín dụng số HO00139+140/HĐTD ngày 27/11/2019;

3. Theo Hợp đồng tín dụng số HO00163/HĐTD ngày 04/02/202;

4. Theo Hợp đồng tín dụng số LT04614/HĐTD ngày 17/03/2020.

Ngân hàng TMCP K L không yêu cầu thu hồi và xử lý tài sản bảo đảm liên quan đến hợp đồng tín dụng gồm:

01 Xe Yamaha Exciter; Biển số đăng ký: 66P1-685.96

01 Xe Honda Future; Biển số đăng ký: 66P2-159.29;

01 xe Yamaha Nouvo; Biển số đăng ký: 66P2-038.65

03 chiếc xe trên do ông Trần Quốc T đứng tên quyền sở hữu.

01 Xe Yamaha Sirius; Biển số đăng ký: 66P1-231.67;

Do bà Trần Thị Bé T đứng tên quyền sở hữu.

Bị đơn ông Trần Quốc T và bà Trần Thị Bé T thừa nhận có ký với Ngân hàng TMCP K L 04 hợp đồng tín dụng như đại diện Ngân hàng trình bày. Hiện nay ông T và bà T còn nợ Ngân hàng TMCP K L số tiền gốc và lãi là 123.502.412 đồng cụ thể các hợp tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HO00129/HĐTD ngày 05/11/2019, số tiền phải trả là: 45.153.461 đồng. Trong đó gốc là 27.555.556 đồng; Lãi là 17.597.905 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HO00139+140/HĐTD ngày 27/11/2019, số tiền

phải trả là: 44.723.397 đồng. Trong đó gốc là 27.555.556 đồng; Lãi 17.167.841 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HO00163/HĐTD ngày 04/02/2020, số tiền phải trả là: 20.339.061 đồng. Trong đó gốc là 12.888.889 đồng; Lãi 7.450.172 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số LT04614/HĐTD ngày 17/03/2020, số tiền phải trả là: 13.286.493 đồng. Trong đó gốc là 10.000.000 đồng; Lãi 3.286.496 đồng.

Nay ông Trần Quốc T và bà Trần Thị Bé T đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP K L số tiền gốc và lãi gốc và lãi là 123.502.412 đồng, cụ thể theo các hợp đồng tín dụng sau:

+ Hợp đồng tín dụng số HO00129/HĐTD ngày 05/11/2019, số tiền phải trả là: 45.153.461 đồng. Trong đó gốc là 27.555.556 đồng; Lãi là 17.597.905 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HO00139+140/HĐTD ngày 27/11/2019, số tiền phải trả là: 44.723.397 đồng. Trong đó gốc là 27.555.556 đồng; Lãi 17.167.841 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số HO00163/HĐTD ngày 04/02/2020, số tiền phải trả là: 20.339.061 đồng. Trong đó gốc là 12.888.889 đồng; Lãi 7.450.172 đồng.

+ Hợp đồng tín dụng số LT04614/HĐTD ngày 17/03/2020, số tiền phải trả là: 13.286.493 đồng. Trong đó gốc là 10.000.000 đồng; Lãi 3.286.493 đồng.

Ông Trần Quốc T và Trần Thị Bé T đồng ý tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 02/7/2022 cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng với mức lãi suất theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng:

1. Hợp đồng tín dụng số HO00129/HĐTD ngày 05/11/2019;

2. Hợp đồng tín dụng số HO00139+140/HĐTD ngày 27/11/2019;

3. Hợp đồng tín dụng số HO00163/HĐTD ngày 04/02/2020;

4. Hợp đồng tín dụng số LT04614/HĐTD ngày 17/03/2020.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Quốc T và bà Trần Thị Bé T đồng ý liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.088.000 đồng, nhưng do ông T thuộc diện người cao tuổi nên được miễn tiền án phí dân sự số tiền 1.544.000 đồng nên bà T chỉ đóng số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.544.000 đồng.

Ngân hàng TMCP K L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền 3.088.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0011824 ngày 28/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, Đồng Tháp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND TPCL;
- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Cẩm Trinh